

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Số: 132/2025/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Bến Tre, ngày 13 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lưu Phát H**, sinh năm 1993;

Cư trú: A khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Võ Lam N**, sinh năm 1993;

Cư trú: 243E8 khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà N đăng ký kết hôn ngày 23/02/2016 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông H và bà N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Hoàng Bảo A, sinh ngày 25/12/2017 và Lưu Hoàng Ngân A1, sinh ngày 24/4/2020. Các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông H tự nguyện cấp dưỡng mỗi con chung với số tiền là 2.500.000 đồng/tháng. Sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 55 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: ông H và bà N khai không có.

[4] Về nợ chung: ông H và bà N khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: ông H và bà N tự nguyện liên đới chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: các thỏa thuận trên của của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lưu Phát H và bà Võ Lam N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Sau khi ly hôn, giao con chung tên Lưu Hoàng Bảo A, sinh ngày 25/12/2017 và Lưu Hoàng Ngân A1, sinh ngày 24/4/2020 cho bà Võ Lam N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Lưu Phát H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung với số tiền là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Lưu Phát H và bà Võ Lam N khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: ông Lưu Phát H và bà Võ Lam N khai không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về lệ phí: lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Lưu Phát H và bà Võ Lam N tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0011531 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường 7, thành phố Bến Tre - số 02 ngày 23/02/2016 (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thanh Như